

Bài 8.

HÀNG VÀ LỚP

1. Viết số hoặc chữ thích hợp vào ô trống:

Đọc số	Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
Bốn mươi tám nghìn một trăm mười chín							
	632 730						
		3	6	0	7	1	5

2. Viết vào chỗ chấm (theo mẫu):



a) Trong số 876 325, chữ số 3 ở hàng trăm, lớp đơn vị.



b) Trong số 678 387, chữ số 6 ở hàng, lớp



c) Trong số 875 321, chữ số 5 ở hàng, lớp



d) Trong số 972 615, chữ số ... ở hàng chục nghìn, lớp nghìn.



e) Trong số 873 291, chữ số ... ở hàng chục, lớp



g) Trong số 873 291, chữ số ... ở hàng đơn vị, lớp

3. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

Số	543 216	254 316	123 456
Giá trị của chữ số 2	200		
Giá trị của chữ số 3			
Giá trị của chữ số 5			